

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 1/2019 VÀ BẢNG XẾP LOẠI PHÁT THƯỞNG

STT	TÊN THÁNH	HỌ	TÊN	Ngành 2019	Đội 2019	BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 1											
						Điểm danh	Điểm học lực		Điểm học lực	Điểm chuyên cần	Xếp loại		Tổng cộng điểm lần 1	Tổng cộng điểm HK 2018	Trung bình Tổng cộng điểm HK2 2018 & HK 1 2019	Xếp loại chung	Ghi chú
							Tập	Điểm Kiểm Tra lần 1			Học lực	Chuyên cần					
1	Têrêsa	Nguyễn Võ Phúc	An	Nghĩa 1	Agata		100	100	200	200	Xuất sắc	B	400	638	519	Giỏi	G(30/6/2019
2	Madalena	Nguyễn Tú	Anh	Nghĩa 1	Agata		0		0	225	Yếu	B	225				
3	Êlisabeth	Trần Ngọc Thùy	Dương	Nghĩa 1	Agata		100	100	200	300	Xuất sắc	A	500	670	585	Xuất sắc	
4	Cecilia	Nguyễn Ngọc Hồng	Hà	Nghĩa 1	Agata		100	80	180	200	Giỏi	B	380	480	430	Khá	
5	Maria	Phạm Phương	Khanh	Nghĩa 1	Agata		0	65	65	175	Yếu	B	240	424	332	Tr.bình	
6	Anna	Nguyễn Thanh Thảo	My	Nghĩa 1	Agata		100	100	200	175	Xuất sắc	B	375	490	432.5	Khá	
7	Têrêsa	Trần Gia Phương	Ngân	Nghĩa 1	Agata		100	100	200	175	Xuất sắc	B	375	463	419	Tr.bình	
8	Anna	Nguyễn Hoàng Ánh	Ngọc	Nghĩa 1	Agata		100	100	200	275	Xuất sắc	A	475	639	557	Xuất sắc	
9	Têrêsa	Võ Đỗ Nguyệt	Nhi	Nghĩa 1	Agata				0	0	Yếu	C	0	635	317.5	Tr.bình	TG
10	Maria	Hoàng Ngọc Minh	Phượng	Nghĩa 1	Agata		0	64	64	150	Yếu	B	214	458	336	Tr.bình	
11	Têrêsa	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	Nghĩa 1	Agata		100	100	200	200	Xuất sắc	B	400	520	460	Khá	
12	Maria	Phạm Lê Thiên	Trang	Nghĩa 1	Agata		100	86	186	175	Giỏi	B	361	478	419.5	Tr.bình	
13	Maria	Nguyễn Hà Phương	Uyên	Nghĩa 1	Agata		0	22	22	175	Yếu	B	197	390	293.5	Yếu	
14	Têrêsa	Đặng Ngọc Mỹ	Vân	Nghĩa 1	Agata		0	48	48	200	Yếu	B	248	355	301.5	Yếu	
15	Maria	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	Nghĩa 1	Agata		0	20	20	125	Yếu	C	145				
16	Maria	Trần Ngọc Thảo	Như	Nghĩa 1	Agata		0	100	100	200	Tr.bình	B	300				
17	Maria	Lưu Ngọc Minh	Thư	Nghĩa 1	Agata		0	0	0	0	Yếu	C	0				MV 2019
18	Maria	Nguyễn Đoàn Khánh	An	Nghĩa 1	Anê Đê		100	57	157	200	Khá	B	357	368	362.5	Tr.bình	
19	Maria	Cao Nguyễn Kim	Anh	Nghĩa 1	Anê Đê				0	0	Yếu	C	0				TG
20	CRT	Ngô Cát	Anh	Nghĩa 1	Anê Đê		90	70	160	275	Khá	A	435				
21	Maria	Nguyễn Dương Thiên	Hà	Nghĩa 1	Anê Đê				0	0	Yếu	C	0				MV 2019
22	Têrêsa	Bùi Nguyễn Hải	Lam	Nghĩa 1	Anê Đê		100	90	190	200	Xuất sắc	B	390	426	408	Tr.bình	
23	Êlisabeth	Nguyễn Ngọc Uyên	My	Nghĩa 1	Anê Đê		100	100	200	175	Xuất sắc	B	375	426	400.5	Tr.bình	
24	Têrêsa	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	Nghĩa 1	Anê Đê		100	100	200	200	Xuất sắc	B	400	463	431.5	Khá	
25	Maria	Trần Thanh	Nhàn	Nghĩa 1	Anê Đê				0	175	Yếu	B	175	343	259	Yếu	TG
26	Têrêsa	Nguyễn Hà Tuyết	Nhi	Nghĩa 1	Anê Đê		0		0	150	Yếu	B	150	488	319	Tr.bình	V

STT	TÊN THÁNH	HỌ	TÊN	Ngành 2019	Đội 2019	BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 1											
						Điểm danh	Điểm học lực		Điểm học lực	Điểm chuyên cần	Xếp loại		Tổng cộng điểm lần 1	Tổng cộng điểm HK 2018	Trung bình tổng cộng điểm HK2 2018 & HK 1 2019	Xếp loại chung	Ghi chú
							Tập	Điểm Kiểm Tra lần			Học lực	Chuyên cần					
27	Maria	Phạm Trúc	Phượng	Nghĩa 1	Anê Đê				0	175	Yếu	B	175				TG
28	Lucia	Trần Mạnh Phương	Quỳnh	Nghĩa 1	Anê Đê		75	52	127	200	Tr.bình	B	327	215	271	Yếu	
29	Maria	Nguyễn Khiết	Tâm	Nghĩa 1	Anê Đê		100	100	200	275	Xuất sắc	A	475	675	575	Xuất sắc	
30	Anna	Nguyễn Ngọc Đan	Thy	Nghĩa 1	Anê Đê		95	81	176	200	Giỏi	B	376	464	420	Tr.bình	
31	Maria	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nghĩa 1	Anê Đê		100	100	200	200	Xuất sắc	B	400	481	440.5	Khá	
32	Têrêsa	Nguyễn Thái Nhã	Uyên	Nghĩa 1	Anê Đê		0	20	20	200	Yếu	B	220	457	338.5	Tr.bình	
33	Bê-nê-dictô	Nguyễn Quang Duy	Ân	Nghĩa 2	Augustinô Đông		100	100	200	200	Xuất sắc	B	400	630	515	Giỏi	
34	Gioan	Bùi Phú	Gia	Nghĩa 2	Augustinô Đông		85	13	98	175	Yếu	B	273	350	311.5	Tr.bình	
35	Phêrô	Nguyễn Minh	Hoàng	Nghĩa 2	Augustinô Đông		100	100	200	300	Xuất sắc	A	500	455	477.5	Khá	
36	Phaolô	Nguyễn Minh Gia	Khang	Nghĩa 2	Augustinô Đông		100	18	118	125	Tr.bình	C	243	293	268	Yếu	
37	Giuse	Phan Gia Vĩnh	Khang	Nghĩa 2	Augustinô Đông		100	90	190	175	Xuất sắc	B	365	446	405.5	Tr.bình	
38	Gioan	Trần Lâm	Khôi	Nghĩa 2	Augustinô Đông				0	0	Yếu	C	0	212	106	Yếu	TG
39	Antôn	Lê Thanh	Lâm	Nghĩa 2	Augustinô Đông		85	36	121	200	Tr.bình	B	321	394	357.5	Tr.bình	
40	Giuse	Tăng Nguyễn Gia	Minh	Nghĩa 2	Augustinô Đông		100	10	110	150	Tr.bình	B	260	373	316.5	Tr.bình	
41	Phêrô	Lê Hoàng	Nam	Nghĩa 2	Augustinô Đông		85	21	106	200	Tr.bình	B	306	318	312	Tr.bình	
42	Đaminh	Trần Hoàng Minh	Nhật	Nghĩa 2	Augustinô Đông		100	43	143	300	Tr.bình	A	443	363	403	Tr.bình	
43	Carol	Nguyễn Diên	Phúc	Nghĩa 2	Augustinô Đông				0	0	Yếu	C	0	307	153.5	Yếu	TG
44	Gioan	Trần Thiên	Phúc	Nghĩa 2	Augustinô Đông		95	85	180	225	Giỏi	B	405	563	484	Giỏi	
45	Phaolô	Lê Minh	Tài	Nghĩa 2	Augustinô Đông		35	19	54	200	Yếu	B	254	349	301.5	Yếu	
46	Phêrô	Cao Duy	Tân	Nghĩa 2	Augustinô Đông				0	0	Yếu	C	0				TG
47	LuyGonZar	Nguyễn Lưu Bảo	Thiện	Nghĩa 2	Augustinô Đông		100	78	178	225	Giỏi	B	403	673	538	Giỏi	
48	Gioan Baotixita	Nguyễn Tri	Thức	Nghĩa 2	Augustinô Đông		100	43	143	275	Tr.bình	A	418	695	556.5	Xuất sắc	
49	Anphongso	Nguyễn Bắc Nam	Trung	Nghĩa 2	Augustinô Đông		100	81	181	150	Giỏi	B	331	682	506.5	Giỏi	
50	Phaolô	Trần Huỳnh	Văn	Nghĩa 2	Augustinô Đông				0	0	Yếu	C	0	195	97.5	Yếu	TG
51		Bùi Thế Gia	Thiều	Nghĩa 2	Augustinô Đông				0	0	Yếu	C	0				MV 2019
52	M. Giê-răđô	Nguyễn Lư Hồng	Ân	Nghĩa 2	Marillac		100	100	200	300	Xuất sắc	A	500	710	605	Xuất sắc	
53	Maria	Phạm Phương	Anh	Nghĩa 2	Marillac		100	50	150	200	Khá	B	350	415	382.5	Tr.bình	
54	Maria	Trần Thị Kim	Dung	Nghĩa 2	Marillac				0	0	Yếu	C	0	472	236	Yếu	TG
55	Têrêsa	Nguyễn Minh	Khuê	Nghĩa 2	Marillac		100	46	146	175	Tr.bình	B	321	458	389.5	Tr.bình	
56	Têrêsa	Đỗ Xuân	Nghi	Nghĩa 2	Marillac		85	35	120	300	Tr.bình	A	420	508	464	Khá	
57	Anê	Đỗ Lê Yến	Nhi	Nghĩa 2	Marillac		50	43	93	175	Yếu	B	268	424	346	Tr.bình	
58	Maria	Trần Đoàn Minh	Như	Nghĩa 2	Marillac		100	75	175	200	Giỏi	B	375	503	439	Khá	

STT	TÊN THÁNH	HỌ	TÊN	Ngành 2019	Đội 2019	BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 1											
						Điểm danh	Điểm học lực		Điểm học lực	Điểm chuyên cần	Xếp loại		Tổng cộng điểm lần 1	Tổng cộng điểm HK 2018	Trung bình Tổng cộng điểm HK2 2018 & HK 1 2019	Xếp loại chung	Ghi chú
							Tập	Điểm Kiểm Tra lần			Học lực	Chuyên cần					
59	Têrêsa	Trần Quỳnh	Như	Nghĩa 2	Marillac		100	81	181	250	Giỏi	A	431	685	558	Xuất sắc	
60	Maria	Nguyễn Giáng	Phúc	Nghĩa 2	Marillac		100	98	198	300	Xuất sắc	A	498	693	595.5	Xuất sắc	
61	Têrêsa	Lương Vũ Thúy	Quỳnh	Nghĩa 2	Marillac		60	24	84	175	Yếu	B	259	386	322.5	Tr.bình	
62	Maria	Trần Ngọc Đan	Thư	Nghĩa 2	Marillac		100	22	122	300	Tr.bình	A	422	284	353	Tr.bình	
63	Maria	Hồ Thị Thanh	Thúy	Nghĩa 2	Marillac		100	54	154	250	Khá	A	404	584	494	Giỏi	
64	Maria	Nguyễn Ngọc Mai	Trình	Nghĩa 2	Marillac		60	20	80	150	Yếu	B	230	413	321.5	Tr.bình	
65	Lucia	Tôn Nữ Mai	Uyên	Nghĩa 2	Marillac		0		0	150	Yếu	B	150	328	239	Yếu	V
66	Maria	Nguyễn Hồ Thanh	Xuân	Nghĩa 2	Marillac				0	125	Yếu	C	125	312	218.5	Yếu	
67	Maria	Trần Thụy Gia	Khánh	Nghĩa 2	Marillac		50	6	56	175	Yếu	B	231				MV 2019
68	Maria	Nguyễn Lan	Anh	Nghĩa 1	Marta		100	47	147	300	Tr.bình	A	447	636	541.5	Giỏi	
69	Êlisabeth	Nguyễn Lê Quỳnh	Hương	Nghĩa 1	Marta				0	0	Yếu	C	0				TG
70	Têrêsa	Trần Hoàng	Lam	Nghĩa 1	Marta				0	0	Yếu	C	0	570	285	Yếu	TG
71	Catarina	Hoàng Đoàn Ngọc	Mỹ	Nghĩa 1	Marta		100	75	175	175	Giỏi	B	350	409	379.5	Tr.bình	
72	Catarina	Hoàng Đoàn Mỹ	Ngọc	Nghĩa 1	Marta		100	59	159	175	Khá	B	334	437	385.5	Tr.bình	
73	Maria	Nguyễn Lê Tuyền	Nguyên	Nghĩa 1	Marta		100	79	179	300	Giỏi	A	479	693	586	Xuất sắc	
74	Maria	Nguyễn Đặng Yến	Nhi	Nghĩa 1	Marta		100	68	168	150	Khá	B	318	372	345	Tr.bình	
75	Maria	Trần Bùi Mai	Phượng	Nghĩa 1	Marta		0	50	50	175	Yếu	B	225	361	293	Yếu	
76	Têrêsa	Vũ Nguyễn Thu	Tâm	Nghĩa 1	Marta		100	69	169	175	Khá	B	344	334	339	Tr.bình	
77	Maria	Nguyễn Lê Anh	Thy	Nghĩa 1	Marta				0	150	Yếu	B	150				TG
78	Maria	Nguyễn Ngọc Tú	Trân	Nghĩa 1	Marta		100	67	167	200	Khá	B	367	514	440.5	Khá	
79	Lucia	Phạm Quỳnh	Trang	Nghĩa 1	Marta		0	59	59	175	Yếu	B	234	460	347	Tr.bình	
80	CRT	Võ Ngọc Thanh	Tú	Nghĩa 1	Marta				0	0	Yếu	C	0				TG
81	Faustina	Phạm Ngọc Vân	Uyên	Nghĩa 1	Marta		100	74	174	225	Giỏi	B	399	540	469.5	Khá	
82	CRT	Bùi Hoàng Thanh	Xuân	Nghĩa 1	Marta		0		0	150	Yếu	B	150	310	230	Yếu	V
83	Maria	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	Nghĩa 1	Marta		0	27	27	200	Yếu	B	227	603	415	Tr.bình	
84	CRT	Lê Dương Phương	Thanh	Nghĩa 1	Marta		0	0	0	0	Yếu	C	0				MV 2019
85	Giêrôđô	Trần Nguyễn Hoàng	Ân	Nghĩa 1	Nicola Thế		100	80	180	300	Giỏi	A	480	193	336.5	Tr.bình	
86	Giuse	Bùi Trọng	Anh	Nghĩa 1	Nicola Thế		100	80	180	225	Giỏi	B	405	119	262	Yếu	
87	Phêrô	Đặng Đức	Anh	Nghĩa 1	Nicola Thế		100	54	154	200	Khá	B	354				
88	Phêrô	Nguyễn Bảo	Chinh	Nghĩa 1	Nicola Thế		100	87	187	200	Giỏi	B	387	471	429	Khá	
89	Gioan	Vũ Hoàng	Đặng	Nghĩa 1	Nicola Thế		0		0	150	Yếu	B	150	156	153	Yếu	V-TG
90	Giuse	Lê Hoàng Tiến	Đạt	Nghĩa 1	Nicola Thế		100	88	188	300	Giỏi	A	488	494	491	Giỏi	

STT	TÊN THÁNH	HỌ	TÊN	Ngành 2019	Đội 2019	BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 1											
						Điểm danh	Điểm học lực		Điểm học lực	Điểm chuyên cần	Xếp loại		Tổng cộng điểm lần 1	Tổng cộng điểm HK 2018	Trung bình Tổng cộng điểm HK2 2018 & HK 1 2019	Xếp loại chung	Ghi chú
							Tập	Điểm Kiểm Tra lần			Học lực	Chuyên cần					
91	Martino	Nguyễn Vũ Hoàng	Hiệp	Nghĩa 1	Nicola Thế		0	86	86	200	Yếu	B	286	293	289.5	Yếu	
92	Phêrô	Phạm Nguyễn Gia	Huy	Nghĩa 1	Nicola Thế		0	2	2	150	Yếu	B	152	56	104	Yếu	
93	Phêrô	Trần Anh	Huy	Nghĩa 1	Nicola Thế				0	0	Yếu	C	0				TG
94	Andre	Nguyễn Phúc	Khang	Nghĩa 1	Nicola Thế		75	20	95	225	Yếu	B	320	351	335.5	Tr.bình	
95	Gioan	Nguyễn Tâm	Khiêm	Nghĩa 1	Nicola Thế		100	59	159	225	Khá	B	384	166	275	Yếu	
96	Giuse	Hoàng Tấn	Phát	Nghĩa 1	Nicola Thế				0	0	Yếu	C	0	383	191.5	Yếu	TG
97	Giuse	Nguyễn Đình	Phúc	Nghĩa 1	Nicola Thế		0	7	7	175	Yếu	B	182	218	200	Yếu	
98	Martin	Nguyễn Huỳnh Thiên	Phúc	Nghĩa 1	Nicola Thế		90	100	190	200	Xuất sắc	B	390	456	423	Tr.bình	
99	Giuse	Nguyễn Bá	Tài	Nghĩa 1	Nicola Thế				0	0	Yếu	C	0				TG
100	Phaolô	Đặng Trần Gia	Bảo	Nghĩa 3	Phaolô Lộc				0	150	Yếu	B	150	245	197.5	Yếu	TG
101	Phêrô	Nguyễn Tường	Huy	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		0	80	80	200	Yếu	B	280	455	367.5	Tr.bình	
102	Gioan	Nguyễn Huỳnh Tấn	Khải	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		90	95	185	200	Giỏi	B	385				MV 2019
103	Giuse	Lương Minh	Khang	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		0	22	22	175	Yếu	B	197	365	281	Yếu	
104	Gioan	Nguyễn	Khiêm	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		100	100	200	300	Xuất sắc	A	500	707	603.5	Xuất sắc	
105	Giuse	Đinh Phú	Minh	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		0	13	13	200	Yếu	B	213	324	268.5	Yếu	
106	Micae	Hồ Trung	Nghĩa	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		90	64	154	300	Khá	A	454	596	525	Giỏi	
107	Phêrô	Nguyễn Minh	Nhật	Nghĩa 3	Phaolô Lộc				0	0	Yếu	C	0				TG
108	Gioan	Nguyễn Thanh Thiên	Phúc	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		35	80	115	150	Tr.bình	B	265	583	424	Khá	
109	Phaolô	Nguyễn Hiếu	Thiên	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		0	57	57	275	Yếu	A	332	485	408.5	Tr.bình	
110	Giuse	Trần Đức	Thịnh	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		0	60	60	200	Yếu	B	260	468	364	Tr.bình	
111	Phêrô	Đặng Quốc	Thụy	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		0	73	73	200	Yếu	B	273	629	451	Khá	
112	Phêrô	Lê Gia	Tự	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		0		0	175	Yếu	B	175	378	276.5	Yếu	V-TG
113	Vinh Sơn	Nguyễn Thi	Ân	Nghĩa 3	Phaolô Lộc		0	60	60	100	Yếu	C	160				MV 2019
114	Đaminh	Đặng Phúc Thiên	Ân	Nghĩa 1	Phaolô Tịnh		0	75	75	200	Yếu	B	275	492	383.5	Tr.bình	
115	Martino	Viên Phúc	Anh	Nghĩa 1	Phaolô Tịnh		85	70	155	175	Khá	B	330	250	290	Yếu	
116	Giuse	Lê Minh	Đặng	Nghĩa 1	Phaolô Tịnh		100	98	198	200	Xuất sắc	B	398	240	319	Tr.bình	
117	Giuse	Trương Quang	Dũng	Nghĩa 1	Phaolô Tịnh		0	21	21	200	Yếu	B	221	86	153.5	Yếu	
118	Giuse	Nguyễn Phạm Hiếu	Hòa	Nghĩa 1	Phaolô Tịnh		100	100	200	200	Xuất sắc	B	400	467	433.5	Khá	
119	Phaolô	Lương Gia	Huy	Nghĩa 1	Phaolô Tịnh		0	51	51	150	Yếu	B	201	239	220	Yếu	
120	Giêradô	Ngô Khang	Hy	Nghĩa 1	Phaolô Tịnh		100	100	200	200	Xuất sắc	B	400	431	415.5	Tr.bình	
121	Đaminh	Đỗ	Khang	Nghĩa 1	Phaolô Tịnh		0	25	25	150	Yếu	B	175	198	186.5	Yếu	
122	Giuse	Võ Đăng	Khoa	Nghĩa 1	Phaolô Tịnh		100	14	114	250	Tr.bình	A	364	260	312	Tr.bình	
123	Giuse	Nguyễn Ngọc Đăng	Khôi	Nghĩa 1	Phaolô Tịnh		0	35	35	150	Yếu	B	185	314	249.5	Yếu	
124	Giuse	Trịnh Nguyễn	Khôi	Nghĩa 1	Phaolô Tịnh				0	0	Yếu	C	0				TG

STT	TÊN THÁNH	HỌ	TÊN	Ngành 2019	Đội 2019	BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 1											
						Điểm danh	Điểm học lực		Điểm học lực	Điểm chuyên cần	Xếp loại		Tổng cộng điểm lần 1	Tổng cộng điểm HK 2018	Trung bình Tổng cộng điểm HK2 2018 & HK 1 2019	Xếp loại chung	Ghi chú
							Tập	Điểm Kiểm Tra lần			Học lực	Chuyên cần					
125	Gioan	Lê Anh	Kiệt	Nghĩa 1	Phaolô Tĩnh		0	65	65	175	Yếu	B	240	244	242	Yếu	
126	Gioan	Nguyễn Phúc	Nguyên	Nghĩa 1	Phaolô Tĩnh		85	78	163	175	Khá	B	338	269	303.5	Tr.bình	
127	Gioan	Nguyễn Hồng	Phúc	Nghĩa 1	Phaolô Tĩnh		0	12	12	175	Yếu	B	187	270	228.5	Yếu	
128	Giuse	Trần Ngọc	Phúc	Nghĩa 1	Phaolô Tĩnh		0	14	14	300	Yếu	A	314	412	363	Tr.bình	
129	Anphong Maria	Trương Tấn	Phúc	Nghĩa 1	Phaolô Tĩnh		0	16	16	175	Yếu	B	191	412	301.5	Yếu	
130	Phêrô	Nguyễn Quốc	Tuấn	Nghĩa 1	Phaolô Tĩnh				0	0	Yếu	C	0				GT
131	Giêrôđô	Đặng Thiên	Ân	Nghĩa 3	Phêrô Tự		0	46	46	150	Yếu	B	196	285	240.5	Yếu	
132	Anphongso	Dương Minh	Bảo	Nghĩa 3	Phêrô Tự		0	60	60	200	Yếu	B	260	345	302.5	Tr.bình	
133	Phêrô	Nguyễn Vĩnh Gia	Bảo	Nghĩa 3	Phêrô Tự				0	150	Yếu	B	150	500	325	Tr.bình	V-TG
134	Phêrô	Tăng Nguyễn Gia	Hưng	Nghĩa 3	Phêrô Tự		0	33	33	150	Yếu	B	183	290	236.5	Yếu	
135	Martino	Phan Nguyễn Khang	Hy	Nghĩa 3	Phêrô Tự		90	95	185	175	Giỏi	B	360	440	400	Tr.bình	
136	Phêrô	Nguyễn Duy	Khánh	Nghĩa 3	Phêrô Tự		30	55	85	175	Yếu	B	260	411	335.5	Tr.bình	
137	Giêrôđô	Nguyễn Thành	Nhân	Nghĩa 3	Phêrô Tự		0	52	52	175	Yếu	B	227	641	434	Khá	
138	Phaolô	Trần Thiên	Phú	Nghĩa 3	Phêrô Tự		0		0	200	Yếu	B	200	458	329	Tr.bình	V
139	Giuse	Hồ Quốc	Tấn	Nghĩa 3	Phêrô Tự		100	76	176	275	Giỏi	A	451	328	389.5	Tr.bình	
140	Giuse	Nguyễn Quang	Thịnh	Nghĩa 3	Phêrô Tự		95	94	189	175	Giỏi	B	364	405	384.5	Tr.bình	
141	Phêrô	Phạm Toàn	Thuận	Nghĩa 3	Phêrô Tự		0	60	60	200	Yếu	B	260	353	306.5	Tr.bình	
142	Vinh Sơn	Nguyễn Bảo	Ân	Nghĩa 3	Phêrô Tự		0		0	200	Yếu	B	200				V
143	Têrêsa	Đỗ Thụy Vi	An	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		100	93	193	125	Xuất sắc	C	318	563	440.5	Khá	
144	Maria	Lê Nguyễn Hồng	Ân	Nghĩa 3	Teresa Calcuta				0	225	Yếu	B	225	463	344	Tr.bình	TG
145	T. Calcutta	Nguyễn Phước Huyền Huyền T	Ân	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		90	89	179	275	Giỏi	A	454	675	564.5	Xuất sắc	
146	Cecilia	Nguyễn Võ Thiên	Ân	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		100	100	200	300	Xuất sắc	A	500	710	605	Xuất sắc	
147	M.Têrêsa	Đào Ngọc Minh	Anh	Nghĩa 3	Teresa Calcuta				0	0	Yếu	C	0	695	347.5	Tr.bình	TG
148	Maria	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		95	61	156	175	Khá	B	331	459	395	Tr.bình	
149	Têrêsa	Phạm Trần Minh	Đan	Nghĩa 3	Teresa Calcuta				0	125	Yếu	C	125	310	217.5	Yếu	TG
150	Maria	Nguyễn Đào Thùy	Dương	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		90	99	189	175	Giỏi	B	364	483	423.5	Khá	
151	Maria	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		100	87	187	275	Giỏi	A	462	599	530.5	Giỏi	
152	Maria	Võ Dung	Hạnh	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		0	79	79	150	Yếu	B	229	470	349.5	Tr.bình	
153	Maria	Nguyễn Anh	Khôi	Nghĩa 3	Teresa Calcuta				0	0	Yếu	C	0	395	197.5	Yếu	TG
154	Maria	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		100	100	200	175	Xuất sắc	B	375	549	462	Khá	
155	Maria	Đỗ Nguyễn Ngọc	Nhi	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		0	43	43	250	Yếu	A	293	517	405	Tr.bình	
156	Maria	Hồ Nguyễn Hoàng	Nhi	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		90	90	180	200	Giỏi	B	380	523	451.5	Khá	

STT	TÊN THÁNH	HỌ	TÊN	Ngành 2019	Đội 2019	BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 1											
						Điểm danh	Điểm học lực		Điểm học lực	Điểm chuyên cần	Xếp loại		Tổng cộng điểm lần 1	Tổng cộng điểm HK 2018	Trung bình Tổng cộng điểm HK2 2018 & HK 1 2019	Xếp loại chung	Ghi chú
							Tập	Điểm Kiểm Tra lần			Học lực	Chuyên cần					
157	Têrêsa	Trần Thụy Hương	Quỳnh	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		0		0	175	Yếu	B	175	444	309.5	Tr.bình	V
158	Vêrônica	Phạm Hoàng Hồng	Tâm	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		100	59	159	225	Khá	B	384	431	407.5	Tr.bình	
159	María	Phạm Lâm Hoàng	Mai	Nghĩa 3	Teresa Calcuta		90	93	183	200	Giỏi	B	383	438	410.5	Tr.bình	
160	Phanxico Savie	Bùi Quang	Ân	Nghĩa 2	Tôma Đệ		100	59	159	250	Khá	A	409	646	527.5	Giỏi	
161	Giuse	Nguyễn Thiên	Ân	Nghĩa 2	Tôma Đệ		0	64	64	175	Yếu	B	239	380	309.5	Tr.bình	
162	Giacobe	Lê Dương Thái	Bảo	Nghĩa 2	Tôma Đệ		100	17	117	150	Tr.bình	B	267	425	346	Tr.bình	
163	Phaolô	Nguyễn Tài	Chinh	Nghĩa 2	Tôma Đệ		100	90	190	200	Xuất sắc	B	390	605	497.5	Giỏi	
164	Giuse	Trần Đại	Gia	Nghĩa 2	Tôma Đệ		100	17	117	275	Tr.bình	A	392	528	460	Khá	
165	Giuse	Chiêm Quốc	Hiếu	Nghĩa 2	Tôma Đệ		0	28	28	200	Yếu	B	228	410	319	Tr.bình	
166	Giuse	Hà Hữu	Huy	Nghĩa 2	Tôma Đệ		100	90	190	300	Xuất sắc	A	490	642	566	Xuất sắc	
167	Phêrô	Nguyễn Khắc Khánh	Huy	Nghĩa 2	Tôma Đệ		100	28	128	175	Tr.bình	B	303	310	306.5	Tr.bình	
168	Simon	Phan Nhật	Huy	Nghĩa 2	Tôma Đệ		100	88	188	175	Giỏi	B	363	485	424	Khá	
169	Phaolô	Nguyễn Tuấn	Khải	Nghĩa 2	Tôma Đệ		100	51	151	150	Khá	B	301	477	389	Tr.bình	
170	Mathêu	Nguyễn Quốc	Khánh	Nghĩa 2	Tôma Đệ				0	175	Yếu	B	175	399	287	Yếu	TG
171	Phêrô	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	Nghĩa 2	Tôma Đệ		75	20	95	175	Yếu	B	270	283	276.5	Yếu	
172	Giêrôđô	Nguyễn Gia	Kiệt	Nghĩa 2	Tôma Đệ		70	20	90	175	Yếu	B	265	333	299	Yếu	
173	Clemente	Hoàng Lưu Trọng	Nhân	Nghĩa 2	Tôma Đệ		0	50	50	175	Yếu	B	225	405	315	Tr.bình	
174	Giêrôđô	Trần Đình Ngọc Phú	Quý	Nghĩa 2	Tôma Đệ		0	30	30	175	Yếu	B	205	344	274.5	Yếu	
175	Phêrô	Dương Bảo	Sang	Nghĩa 2	Tôma Đệ				0	0	Yếu	C	0				TG
176	Anphongso	Thái Nguyễn Bảo	Sơn	Nghĩa 2	Tôma Đệ		70	22	92	200	Yếu	B	292	428	360	Tr.bình	
177	Giuse	Đào Nhật	Tâm	Nghĩa 2	Tôma Đệ		95	0	95	150	Yếu	B	245	511	378	Tr.bình	V
178	CRT	Nguyễn Quốc	Thắng	Nghĩa 2	Tôma Đệ		70	5	75	175	Yếu	B	250				MV 2019
179	Têrêsa	Nguyễn Đoàn Thiên	Anh	Nghĩa 2	Xecillia		100	83	183	250	Giỏi	A	433	589	511	Giỏi	
180	Anna	Trần Thúy	Hiền	Nghĩa 2	Xecillia		100	94	194	175	Xuất sắc	B	369	501	435	Khá	
181	Têrêsa	Nguyễn Ngọc Mai	Khôi	Nghĩa 2	Xecillia		100	91	191	300	Xuất sắc	A	491	710	600.5	Xuất sắc	
182	Maria	Vũ Ngọc	Linh	Nghĩa 2	Xecillia		100	35	135	275	Tr.bình	A	410				
183	Têrêsa	Nguyễn Phúc	Loan	Nghĩa 2	Xecillia		100	64	164	150	Khá	B	314	358	336	Tr.bình	
184	Maria	Nguyễn Vũ Thảo	Nguyên	Nghĩa 2	Xecillia		100	82	182	125	Giỏi	C	307	465	386	Tr.bình	
185	Têrêsa	Lê Hoàng Thảo	Nhi	Nghĩa 2	Xecillia		100	100	200	200	Xuất sắc	B	400	466	433	Khá	
186	Cecilia	Nguyễn Ngọc Huyền	Nhi	Nghĩa 2	Xecillia		100	76	176	275	Giỏi	A	451	694	572.5	Xuất sắc	

STT	TÊN THÁNH	HỌ	TÊN	Ngành 2019	Đội 2019	BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 1											
						Điểm danh	Điểm học lực		Điểm học lực	Điểm chuyên cần	Xếp loại		Tổng cộng điểm lần 1	Tổng cộng điểm HK 2018	Trung bình tổng cộng điểm HK2 2018 & HK 1 2019	Xếp loại chung	Ghi chú
							Tập	Điểm Kiểm Tra lần			Học lực	Chuyên cần					
187	Anna	Đinh Thị Quỳnh	Như	Nghĩa 2	Xecillia		100	11	111	175	Tr.bình	B	286	307	296.5	Yếu	
188	Maria	Võ Hà Thảo	Như	Nghĩa 2	Xecillia		0	96	96	250	Yếu	A	346	605	475.5	Khá	
189	Maria	Ngô Diễm	Quỳnh	Nghĩa 2	Xecillia		100	99	199	175	Xuất sắc	B	374	502	438	Khá	
190	Anna	Hà Trần Minh	Thư	Nghĩa 2	Xecillia		0	9	9	175	Yếu	B	184	304	244	Yếu	
191		Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nghĩa 2	Xecillia				0	0	Yếu	C	0				MV 2019
192	Lucia	Phạm Phương	Thùy	Nghĩa 2	Xecillia				0	0	Yếu	C	0	343	171.5	Yếu	TG
193	Têrêsa	Nguyễn Anh Nhật	Tú	Nghĩa 2	Xecillia		0	73	73	175	Yếu	B	248	396	322	Tr.bình	
194	Maria	Tôn Đặng Tường	Vy	Nghĩa 2	Xecillia		100	100	200	275	Xuất sắc	A	475	590	532.5	Giỏi	
195	Vinh Sơn	Nguyễn Bảo	Ân	Nghĩa 3					0	0	Yếu	C	0				
196	Phêrô	Nguyễn Quốc Chí	Đình	Nghĩa 3					0	0	Yếu	C	0				
197	Maria	Nguyễn Thị Minh	Huyền	Nghĩa 2					0	0	Yếu	C	0	428	214	Yếu	

Cha Linh Hưởng



Lm. Giuse Nguyễn Quốc Toàn

Trưởng Xứ Đoàn



Anna Huỳnh Thị Thu Trang

Trưởng ngành



Phê-rô Trương Duy Kha